

Trường THPT Trần Nhân Tông
Tổ Toán

MA TRẬN – BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I - NĂM HỌC 2022-2023
MÔN: TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 phút

Câu hỏi trắc nghiệm: 28 câu (70%)

Câu hỏi tự luận: 3 câu (30%)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		% tổng điểm	
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Số CH			Thời gian (phút)
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL		
1	1. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	1.1. Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	2	3	1	2					3	0	7	
2	2. Tổ hợp - Xác suất	2.1. Quy tắc đếm; Hoán vị; Chỉnh hợp; Tổ hợp.	2	3	2	4					4	1	5	
		2.2. Nhị thức Niu - ton	1	1					0,5	20	2			
		2.3. Phép thử và biến cố; Xác suất của biến cố	2	3	2	4	0,5	8			4			

3	3. Dãy số - Cấp số cộng và cấp số nhân	3.1. Phương pháp quy nạp; Dãy số	1	1	1	2					2	1	35		
		3.2. Cấp số cộng	2	3	2	4	0,5	8			4				
		3.3. Cấp số nhân	1	2	1	2	0,5	8			2				
4	4. Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng		1	1	1	2					2				
4	5. Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song	5.1. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	1	1	1	2					2	111	26		
		5.2. Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng song song	1	2	1	2					2	1			
		5.3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	1	1			0,5	8	0,5		1				
		5.4. Hai mặt phẳng song song	1	1							1				
Tổng			16	22	12	24	2	24	1	20	28	3	90		
Tỉ lệ (%)			40		30		20		10					100	
Tỉ lệ chung (%)			70				30						100		

Lưu ý:

- Các câu hỏi ở cấp độ nhận biết và thông hiểu là các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.
- Các câu hỏi ở cấp độ vận dụng và vận dụng cao là các câu hỏi tự luận.
- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25điểm/câu; số điểm của câu tự luận được quy định trong hướng dẫn chấm nhưng phải tương ứng với tỉ lệ điểm được quy định trong ma trận.

BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: TOÁN 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Hàm số lượng giác và phương trình lượng giác	1.1. Hàm số lượng giác; Phương trình lượng giác cơ bản; Một số phương trình lượng giác thường gặp.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được: Tập xác định; tập giá trị của các hàm số $y = \sin x$, $y = \cos x$, $y = \tan x$, $y = \cot x$. - Biết công thức nghiệm của các phương trình lượng giác cơ bản $\sin x = m$, $\cos x = m$, $\tan x = m$ và $\cot x = m$. - Biết dạng phương trình bậc nhất, bậc hai đối với một hàm số lượng giác <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu khái niệm hàm số lượng giác. - Giải thành thạo phương trình lượng giác cơ bản. - Giải được phương trình bậc nhất và phương trình bậc hai đơn giản đối với một hàm số lượng giác. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết sử dụng máy bỏ túi để tìm nghiệm gần đúng của phương trình lượng giác cơ bản. 	2	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Giải được phương trình bậc nhất và phương trình bậc hai đối với một hàm số lượng giác. - Giải được phương trình $a \sin x + b \cos x = c$. - Giải được phương trình thuần nhất bậc hai đối với $\sin x$ và $\cos x$. 					
2	Tổ hợp - Xác suất	2.1. Quy tắc đếm; Hoán vị; Chỉnh hợp; Tổ hợp.	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được quy tắc cộng và quy tắc nhân, hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được số các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử trong các bài toán đơn giản. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính được số các hoán vị, chỉnh hợp, tổ hợp chập k của n phần tử, kết hợp linh hoạt qui tắc cộng, qui tắc nhân. 	2	2			
		2.2. Nhị thức Niu - ton	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khai triển nhị thức Niu - ton với một số mũ cụ thể. - Tìm được hệ số của x^k trong khai triển nhị thức $(ax + b)^n$ đơn giản <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được hệ số của x^k trong khai triển nhị thức Niu-ton thành đa thức. 	1			1**	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
		2.3. Phép thử và biến cố; Xác suất của biến cố	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phép thử ngẫu nhiên, không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên, biến cố hợp, biến cố giao, biến cố đối, biến cố xung khắc, hai biến cố độc lập, định nghĩa xác suất cổ điển. - Biết được các tính chất: $P(\emptyset) = 0; P(\Omega) = 1; 0 \leq P(A) \leq 1$. - Biết định lý cộng xác suất và định lý nhân xác suất. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên, tính được xác suất của biến cố trong các tình huống đơn giản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được không gian mẫu, biến cố liên quan đến phép thử ngẫu nhiên và tính được xác suất của biến cố. - Biết dùng máy tính bỏ túi hỗ trợ tính xác suất 	2	2	1*		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
3	Dãy số - Cấp số cộng và cấp số nhân	3.1. Phương pháp quy nạp; Dãy số	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được định nghĩa dãy số, cách cho dãy số, dãy số hữu hạn, vô hạn. - Biết tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số đơn giản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chứng minh được tính tăng, giảm, bị chặn của một dãy số. - Biết cách sử dụng phương pháp quy nạp để chứng minh một số mệnh đề. 	1	1			
		3.2. Cấp số cộng	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được định nghĩa, tính chất cấp số cộng, số hạng tổng quát u_n, tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được các yếu tố còn lại khi cho biết 3 trong 5 yếu tố u_1, u_n, n, d, S_n. 	2	2	1*		
		3.3. Cấp số nhân	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được khái niệm cấp số nhân, tính chất $u_k^2 = u_{k-1} \cdot u_{k+1}$ với $k \geq 2$, số hạng tổng quát u_n, tổng của n số hạng đầu tiên của cấp số cộng. <p>Thông hiểu:</p>	1	1	1*		

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Tìm được các yếu tố còn lại khi cho biết 3 trong 5 yếu tố u_1, u_n, n, q, S_n trong các tình huống đơn giản.					
4	Phép dời hình và phép đồng dạng trong mặt phẳng	4.1. Phép biến hình, phép tịnh tiến; Phép đối xứng trục; Phép đối xứng tâm; Phép quay, khái niệm về phép dời hình và hai hình bằng nhau; Phép vị tự, phép đồng dạng.	Nhận biết: - Nhớ định nghĩa và các tính chất của phép tịnh tiến, phép quay, phép vị tự và phép đồng dạng. Thông hiểu: - Xác định được ảnh của một điểm, một đoạn thẳng, một tam giác,... qua phép tịnh tiến, phép quay, phép vị tự.	1	1			
5	Đường thẳng và mặt phẳng trong không gian. Quan hệ song song.	5.1. Đại cương về đường thẳng và mặt phẳng trong không gian	Nhận biết: - Biết được các tính chất được thừa nhận - Biết được khái niệm hình chóp, hình tứ diện. - Xác định được đỉnh, cạnh bên, cạnh đáy, mặt bên, mặt đáy của hình chóp. Thông hiểu: Xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng trong các bài toán đơn giản. Vận dụng: - Xác định được giao tuyến của hai mặt phẳng; giao điểm của đường thẳng và mặt phẳng.	1	1			

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			- Biết sử dụng giao tuyến của hai mặt phẳng để chứng minh ba điểm thẳng hàng trong không gian.					
		5.2. Hai đường thẳng chéo nhau và hai đường thẳng song song	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm hai đường thẳng trùng nhau, song song, cắt nhau, chéo nhau trong không gian. <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng trong tình huống đơn giản. - Biết cách chứng minh hai đường thẳng song song trong tình huống đơn giản. - Biết áp dụng định lý trên để xác định giao tuyến hai mặt phẳng trong một số trường hợp đơn giản. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí tương đối giữa hai đường thẳng. - Biết cách chứng minh hai đường thẳng song song. - Biết áp dụng định lý trên để xác định giao tuyến hai mặt phẳng. 	1	1			
		5.3. Đường thẳng và mặt phẳng song song	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm và điều kiện để đường thẳng song song với mặt phẳng. <p>Thông hiểu:</p>	1		1*	1**	

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra, đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				Tổng
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
			<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt phẳng. Vận dụng: - Xác định được vị trí tương đối giữa đường thẳng và mặt phẳng. - Chứng minh một đường thẳng song song với một mặt phẳng. - Xác định giao tuyến của hai mặt phẳng. - Xác định được thiết diện của mặt phẳng và hình chóp. 					
		5.4. Hai mặt phẳng song song	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Biết khái niệm và các tính chất của hai mặt phẳng song song. - Biết khái niệm và các tính chất của hình lăng trụ, hình hộp, hình chóp cụt. - Nhận ra được hình biểu diễn của hình hộp, hình lăng trụ, hình chóp có đáy là tam giác, tứ giác. - Nhận ra được hình biểu diễn của hình hộp cụt với đáy là tam giác, tứ giác. 	1				
Tổng				16	12	4	2	40

*Tổ chuyên môn
(Tổ trưởng)*

Đỗ Anh Đức